BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33/2010/TT-BTC	

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2010

THÔNG TƯ

Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp

- Căn cứ Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003;

- Căn cứ Nghị định số 69/2002/NĐ-CP ngày 12/7/2002 của Chính phủ về quản lý và xử lý nợ tồn đọng đối với doanh nghiệp nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20/10/2005 và Nghị định số 86/2006/NĐ-CP ngày 21/8/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20/10/2005 của Chính phủ về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

- Căn cứ Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;

- Căn cứ Quyết định số 109/2003/QĐ-TTg ngày 05/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp;

- Căn cứ Quyết định số 55/2004/QĐ-TTg ngày 06/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng tại công văn số 346/VPCP-ĐMDN ngày 15/1/2010 của Văn phòng Chính phủ về cơ chế hoạt động đối với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp, Bộ Tài chính ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp như sau:

I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 109/2003/QĐ-TTg ngày 5/6/2003 của Thủ tướng

Chính phủ về việc thành lập Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp.

Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động được quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Tên và trụ sở

1. Tên gọi:

- Tên tiếng Việt: Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Công ty mua, bán nợ).

- Tên giao dịch quốc tế: Debt and Asset Trading Corporation.

- Tên viết tắt: DATC

2. Công ty mua, bán nợ có trụ sở chính tại Hà Nội và các chi nhánh, văn phòng đại diện, các công ty thành viên tại một số tỉnh, thành phố.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 51 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Số điện thoại: 04- 39454738; Fax: 04- 39454737

- Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.datc.vn và www.datc.com.vn

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty mua, bán nợ là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty nhà nước.

2. Công ty mua, bán nợ có con dấu riêng; được mở tài khoản bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại trong nước, nước ngoài; là đơn vị hạch toán độc lập, tự chủ về tài chính, thực hiện chế độ tài chính, chế độ báo cáo thống kê, kế toán, kiểm toán và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Vốn hoạt động của Công ty mua, bán nợ

1. Vốn điều lệ là 2.000 (hai nghìn) tỷ đồng được hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp.

2. Vốn tự bổ sung từ lợi nhuận sau thuế và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Các nguồn vốn vay, vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và điều hành

Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và điều hành của Công ty mua, bán nợ bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các phòng chức năng giúp việc, các chi nhánh, văn phòng đại diện. Công ty mua, bán nợ được quản lý bởi Hội đồng quản trị và được điều hành bởi Tổng giám đốc.

Điều 6. Đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước

Bộ Tài chính là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đối với Công ty mua, bán nợ theo quy định của pháp luật. Bộ Tài chính uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty mua, bán nợ theo quy định tại Thông tư này.

Điều 7. Giải thích từ ngữ

1. "Chủ nợ" là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nợ phải thu.

2. "Khách nợ" là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nợ phải trả.

3. "Chủ tài sản" là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu tài sản.

4. "Nợ tồn đọng" là các khoản nợ phải thu, nợ phải trả đã quá hạn thanh toán nhưng chưa thu được, chưa trả được.

5. "Tài sản tồn đọng" là tài sản thuộc sở hữu của chủ tài sản bị tồn kho, ứ đọng và không có nhu cầu sử dụng.

6. "Mua, bán nợ, tài sản tồn đọng" là việc chủ nợ có nợ phải thu, chủ tài sản có tài sản tồn đọng bán cho Công ty mua, bán nợ; Công ty mua, bán nợ trở thành chủ nợ mới của khách nợ, chủ sở hữu mới của tài sản.

7. "Phương án mua nợ" là phương án do Công ty mua, bán nợ xây dựng để mua lại một hoặc một số khoản nợ phải trả của một khách nợ.

8." Giảm trừ nghĩa vụ trả nợ" là biện pháp xoá một phần trách nhiệm trả nợ cho khách nợ trong phương án mua nợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội trong Công ty mua, bán nợ

Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội trong Công ty mua, bán nợ hoạt động theo Điều lệ tổ chức hoạt động của tổ chức đó, phù hợp với quy định của Hiến pháp và pháp luật.

II - NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY MUA, BÁN NỢ VÀ TÀI SẢN TỒN ĐỌNG CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 9. Nhiệm vụ của Công ty:

1. Mua các khoản nợ và tài sản tồn đọng của các chủ nợ và chủ tài sản (bao gồm cả tài sản và quyền sử dụng đất được sử dụng để bảo đảm cho các khoản nợ).

a) Đối tượng mua nợ và tài sản tồn đọng: là doanh nghiệp có tài sản tồn đọng và chủ nợ có nhu cầu bán các khoản nợ phải thu; trong đó tập trung ưu tiên sử dụng tối thiểu 70% tổng nguồn vốn đầu tư để mua các khoản nợ và tài sản tồn đọng đối với khách nợ là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước gắn với việc thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu. Việc mua các khoản nợ và tài sản tồn đọng của

các đối tượng khác ngoài doanh nghiệp 100% vốn nhà nước phải đảm bảo khả năng thu hồi và có hiệu quả theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hình thức mua nợ và tài sản tồn đọng:

- Thoả thuận trực tiếp với chủ nợ, chủ tài sản.

- Tham gia đấu thầu, đấu giá mua nợ và tài sản tồn đọng.

- Thực hiện mua theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nguyên tắc trong hoạt động mua nợ và tài sản tồn đọng:

- Việc mua nợ và tài sản tồn đọng chỉ được thực hiện khi có phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trong phương án mua nợ và tài sản tồn đọng phải xác định rõ phương án xử lý có hiệu quả các khoản nợ và tài sản được mua.

- Không xem xét mua nợ và tài sản tồn đọng đối với những trường hợp sau:

+ Khoản nợ và tài sản không có đủ hồ sơ pháp lý chứng minh quyền chủ nợ, quyền sở hữu.

+ Phương án xử lý nợ và tài sản không khả thi hoặc khách nợ không có khả năng khôi phục sau khi thực hiện tái cơ cấu.

- Người quyết định mua nợ của các đối tượng khác ngoài doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và những người có liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán nợ của những doanh nghiệp này phải chịu trách nhiệm về mọi tổn thất do không thu hồi được nợ xảy ra.

2. Tiếp nhận để xử lý các khoản nợ và tài sản đã được loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước.

Việc tiếp nhận các khoản nợ và tài sản đã được loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phải đảm bảo có đầy đủ hồ sơ pháp lý, có hiện vật và được thực hiện thông qua Biên bản bàn giao theo quy định. Trường hợp không có đủ hồ sơ, không còn tài sản thì Công ty mua, bán nợ có văn bản thông báo với cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp biết lý do chưa tiếp nhận để có phương án xử lý theo quy định, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính.

3. Xử lý các khoản nợ và tài sản đã mua, tiếp nhận bằng các hình thức sau:

a) Tổ chức đòi nợ trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức khác cung cấp dịch vụ đòi nợ hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Trong quá trình đòi nợ, Công ty mua, bán nợ được phép:

- Cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ bằng các hình thức: khoanh nợ, giãn nợ cho phù hợp với khả năng trả nợ của khách nợ. Trường hợp doanh nghiệp cam kết thanh

toán hoàn trả nợ ngay trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày mua nợ thì Hội đồng quản trị công ty được xem xét xóa nợ lãi vay theo tiến độ trả nợ gốc nhưng phải đảm bảo không vượt quá chênh lệch giữa giá trị khoản nợ mua và giá mua nợ.

- Điều chỉnh mức lãi suất của khoản nợ cho phù hợp với khả năng trả nợ của khách nợ, cụ thể:

+ Đối với các khoản nợ mà khách nợ là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước gắn với việc thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu thì mức lãi suất điều chỉnh không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước công bố trong từng thời kỳ.

+ Đối với các khoản nợ của các đối tượng khác, mức lãi suất điều chỉnh không thấp hơn mức lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước công bố trong từng thời kỳ cộng (+) 1%/năm.

- Thực hiện tái cơ cấu lại doanh nghiệp cùng với việc chuyển nợ, tài sản thành vốn góp của Công ty mua, bán nợ. Trong trường hợp này, Công ty mua, bán nợ được phép thực hiện giảm trừ một phần nghĩa vụ trả nợ cho khách nợ theo nguyên tắc:

+ Việc giảm trừ nghĩa vụ trả nợ phải gắn với phương án chuyển nợ thành vốn góp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Mức xoá nợ tối đa không quá số âm vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính gần nhất của khách nợ và không vượt quá số chênh lệch giữa giá trị sổ sách khoản nợ mua và giá vốn mua nợ.

+ Việc giảm trừ nghĩa vụ trả nợ cho các khách nợ không làm thay đổi trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đã gây ra tổn thất tài chính trước đây.

+ Có tài liệu chứng minh khách nợ không có khả năng trả nợ một phần hoặc toàn bộ khoản nợ tại thời điểm thực hiện tái cơ cấu lại doanh nghiệp.

+ Các khoản nợ và tài sản chuyển thành vốn góp phải được xác định giá trị bởi tổ chức định giá được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

+ Việc chuyển nợ và tài sản thành vốn góp phải được chủ sở hữu của doanh nghiệp khách nợ thống nhất theo đúng quy định của pháp luật.

b) Bán các khoản nợ và tài sản đã mua, tiếp nhận theo phương thức thoả thuận trực tiếp, chào giá cạnh tranh hoặc tổ chức đấu giá công khai theo quy định của pháp luật. Công ty mua, bán nợ được áp dụng phương thức thoả thuận trực tiếp sau khi đã thực hiện đấu giá công khai hoặc chào giá cạnh tranh nhưng không thành công.

c) Bảo quản, sửa chữa, nâng cấp những tài sản đã mua, tiếp nhận để bán, cho thuê, đầu tư, tổ chức sản xuất kinh doanh, liên doanh khai thác tài sản.

4. Tư vấn, môi giới xử lý nợ và tài sản tồn đọng

- Tư vấn, môi giới cho các doanh nghiệp đòi nợ và xử lý các khoản nợ , tài sản tồn đọng.

- Tư vấn xây dựng cơ chế, chính sách có liên quan đến việc xử lý, cơ cấu lại các khoản nợ để làm lành mạnh tài chính và sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp theo yêu cầu của doanh nghiệp hoặc theo nhiệm vụ Nhà nước giao.

Điều 10. Quyền hạn của Công ty mua, bán nợ về tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh

1. Tổ chức bộ máy quản lý, kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ Nhà nước giao.

2. Thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh và quy định của pháp luật.

3. Tuyển, thuê, bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương theo hiệu quả hoạt động và các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các quy định khác của pháp luật.

4. Được mời đối tác kinh doanh trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động của Công ty; cử đại diện Công ty ra nước ngoài công tác, học tập, khảo sát theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền hạn của Công ty mua, bán nợ về tổ chức kinh doanh:

1. Chủ động kinh doanh các lĩnh vực phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh và nhiệm vụ Nhà nước giao; mở rộng qui mô kinh doanh theo khả năng và nhiệm vụ từng thời kỳ theo chiến lược phát triển kinh doanh được đại diện chủ sở hữu phê duyệt phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Được sử dụng vốn và các Quỹ hợp pháp của công ty để kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và có hiệu quả.

3. Được áp dụng các hình thức huy động vốn để mở rộng kinh doanh theo qui định của pháp luật.

4. Được phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua một khoản nợ nhất định có giá trị lớn, có tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật.

5. Được quyền bảo lãnh cho các doanh nghiệp mà Công ty có góp vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 242/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

6. Được ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi phí khi thực hiện nhiệm vụ xử lý nợ và tài sản tồn đọng tại doanh nghiệp nhà nước theo chỉ định của cấp có thẩm quyền; hưởng chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao.

7. Được sử dụng lợi nhuận để trích lập Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác sau khi đã hoàn thành tất cả nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Được khai thác thông tin, dữ liệu có liên quan để thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng các dữ liệu, thông tin theo quy định của pháp luật.

9. Công ty có quyền yêu cầu các doanh nghiệp nhà nước đã sắp xếp, chuyển đổi sở hữu thuộc đối tượng chuyển giao nợ và tài sản tồn đọng đã loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp kèm theo các tài liệu liên quan khi chuyển giao nợ.

10. Thực hiện các quyền quy định tại Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Điều 12. Nghĩa vụ của Công ty mua, bán nợ

Công ty có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và các nghĩa vụ sau:

1. Nhận và sử dụng vốn, tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác được Nhà nước giao để thực hiện mục tiêu kinh doanh và nhiệm vụ do Nhà nước giao có hiệu quả, bảo toàn, phát triển.

2. Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động.

4. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán tài chính, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.

5. Chịu sự giám sát của đại diện chủ sở hữu; tuân thủ các qui định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin khác về hoạt động của Công ty theo quy định của Nhà nước.

Cung cấp cho khách hàng đầy đủ thông tin có liên quan đến hoạt động mua, bán các khoản nợ và tài sản tồn đọng do công ty thực hiện.

III - TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY MUA, BÁN NỢ VÀ TÀI SẢN TỒN ĐỌNG CỦA DOANH NGHIỆP

Mục 1

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Chức năng của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là đại diện trực tiếp của chủ sở hữu nhà nước tại Công ty mua, bán nợ, quyết định các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, quyền lợi của Công ty mua, bán nợ trừ những vấn đề

thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu và trước pháp luật về mọi hoạt động và sự phát triển của Công ty mua, bán nợ.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Công ty mua, bán nợ.

2. Xây dựng, trình đại diện chủ sở hữu phê duyệt chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và trung hạn của Công ty mua, bán nợ; trên cơ sở đó, quyết định kế hoạch hoạt động hàng năm của Công ty.

3. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ, Quy chế tài chính của Công ty mua, bán nợ.

4. Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động trong công ty; việc quản lý và sử dụng các nguồn lực Nhà nước giao; việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy định của luật pháp; việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước; kiểm tra giám sát Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định.

5. Thông qua phương án tổ chức quản lý (bao gồm cả việc thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể các Chi nhánh, Văn phòng đại diện), tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý, kế hoạch lao động của Công ty và các Chi nhánh, Văn phòng đại diện và điều chỉnh khi cần thiết trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

6. Thông qua đề nghị của Tổng giám đốc về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc Chi nhánh và Trưởng Văn phòng đại diện. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc.

7. Ban hành và giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, quy chế quản lý, tuyển dụng, sử dụng, thôi việc, trả lương và các quy chế nghiệp vụ khác của Công ty phù hợp với quy định pháp luật trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

8. Quyết định phương án đầu tư, phương án mua, bán, cho thuê, thanh lý tài sản, các hợp đồng kinh tế, huy động vốn theo Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ.

Riêng đối với hoạt động mua nợ thì tuỳ theo giá trị và đối tượng khách nợ Hội đồng quản trị Công ty được quyết định các phương án mua nợ theo phân cấp như sau:

a) Trường hợp có giá mua nợ từ 3 tỷ đồng trở lên:

- Đối với đối tượng khách nợ là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thì Hội đồng quản trị Công ty được quyết định các phương án mua nợ có giá mua nợ tối đa không quá 50% giá trị sổ sách của khoản nợ mua (bao gồm cả gốc và lãi).

- Đối với đối tượng khách nợ còn lại thì Hội đồng quản trị Công ty được quyết định các phương án mua nợ có giá mua nợ tối đa không quá 30% giá trị sổ sách của khoản nợ mua (bao gồm cả gốc và lãi).

b) Trường hợp giá mua nợ dưới 3 tỷ đồng:

- Đối với đối tượng khách nợ là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thì Hội đồng quản trị Công ty được quyết định các phương án mua nợ có giá mua nợ tối đa không quá 70% giá trị sổ sách của khoản nợ mua (bao gồm cả gốc và lãi).

- Đối với đối tượng khách nợ còn lại thì Hội đồng quản trị Công ty được quyết định các phương án mua nợ có giá mua nợ tối đa không quá 50% giá trị sổ sách của khoản nợ mua (bao gồm cả gốc và lãi).

c) Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các dự án đầu tư, phương án mua nợ vượt quá thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

9. Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện theo đề nghị của Tổng giám đốc.

10. Phê duyệt các định mức kinh tế, định mức lao động, định mức chi phí áp dụng tại Công ty do Tổng giám đốc trình.

11. Xem xét báo cáo hoạt động hàng Quý, 6 tháng và hàng năm của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty do Tổng giám đốc trình; phê duyệt phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế của Công ty.

12. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

13. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát.

14. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với số vốn Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác; cử, bãi miễn, thay thế, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc.

15. Quyết định việc cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh mức lãi suất khoản nợ, giảm trừ trách nhiệm trả nợ cho các khách nợ đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

16. Hội đồng quản trị được sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ của mình.

17. Thực hiện phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành để tổ chức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

18. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Cơ cấu, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có không quá 5 thành viên do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Hội đồng quản trị gồm: một số thành viên chuyên trách, trong đó có Chủ tịch Hội đồng quản trị, một thành viên kiêm Tổng giám đốc, một thành viên kiêm Trưởng ban Ban kiểm soát; có thể có từ 1 đến 2 thành viên không chuyên trách khác.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bổ nhiệm lại.

Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc thay thế trong những trường hợp sau:

a) Bị Toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính công ty;

d) Để công ty lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; đầu tư mới mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ;

đ) Xin từ chức;

e) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 14 Thông tư này.

5. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị được áp dụng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003.

Điều 16. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ hàng quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền. Hội đồng quản trị có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Công ty. Việc triệu tập họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị đề nghị; Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên có mặt. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt biểu quyết tán thành, trường hợp số phiếu ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị là quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý

kiến của mình; Khi bàn về nội dung công việc của công ty có liên quan đến các vấn đề quan trọng của địa phương nào thì Hội đồng quản trị phải mời đại diện của cấp chính quyền địa phương có liên quan đó dự họp; trường hợp có liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong công ty phải mời đại diện Công đoàn công ty dự họp. Đại diện các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết.

3. Nội dung kết luận các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi thành biên bản và phải được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị dự họp ký tên. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính bắt buộc thi hành đối với Công ty.

4. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, kể cả tiền lương, phụ cấp được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 17. Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị hưởng chế độ lương và tiền thưởng tương ứng với kết quả và hiệu quả sản xuất, kinh doanh hàng năm của công ty. Các thành viên không chuyên trách của Hội đồng quản trị hưởng phụ cấp trách nhiệm và chế độ tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được nhân danh cá nhân để thành lập doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; không được giữ các chức danh quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, trừ trường hợp được cử làm đại diện hoặc trực tiếp quản lý vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác; không được có các quan hệ hợp đồng kinh tế với các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần do vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột là chủ sở hữu hoặc giữ chức danh quản lý, điều hành trong các tổ chức đó.

3. Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được giữ chức vụ kế toán trưởng, thủ quỹ tại Công ty và tại các Chi nhánh của Công ty.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng chịu trách nhiệm trước người quyết định bổ nhiệm và pháp luật về các quyết định của Hội đồng quản trị, kết quả và hiệu quả hoạt động của Công ty; trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ được giao, vi phạm Điều lệ Công ty, quyết định vượt thẩm quyền, lạm dụng chức quyền gây thiệt hại cho Công ty và Nhà nước thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất đối với các thiệt hại do mình gây ra theo qui định của pháp luật.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo Điều 33 Luật doanh nghiệp nhà nước 2003.

Mục 2

BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Quyền và nhiệm vụ Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị thành lập Ban Kiểm soát để thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều 14 Thông tư này.

2. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Giúp Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính và việc chấp hành Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Báo cáo Hội đồng quản trị theo định kỳ hàng quý, hàng năm và theo vụ việc về kết quả kiểm tra, giám sát của mình; kịp thời phát hiện và báo cáo ngay Hội đồng quản trị về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong Công ty.

c) Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, giám sát khi chưa được Hội đồng quản trị cho phép; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về về kết quả kiểm tra, giám sát của mình.

Điều 19. Cơ cấu, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có tối đa 05 thành viên, trong đó Trưởng Ban là thành viên Hội đồng quản trị; các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật.

Tổ chức Công đoàn trong công ty cử một đại diện đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này tham gia thành viên Ban kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Ban kiểm soát:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

b) Có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành kinh tế, tài chính - kế toán; có thâm niên công tác ở lĩnh vực, chuyên ngành đào tạo không dưới 5 năm.

c) Không có tiền án, tiền sự về các tội danh liên quan đến hoạt động kinh tế.

d) Có đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ.

đ) Thành viên Ban kiểm soát là người không phải vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và không được giữ các chức vụ quản lý trong Công ty hoặc trong các doanh nghiệp thành viên và các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 5 năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế khi cần thiết.

4. Tiền lương, tiền thưởng của thành viên Ban Kiểm soát do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định của Nhà nước.

Mục 3

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 20. Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người có quyền điều hành cao nhất trong Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Bộ trưởng Bộ Tài chính và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng giám đốc do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc:

1. Sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo phương án đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

2. Quyết định phương án đầu tư, phương án mua, bán nợ, tài sản, các hợp đồng kinh tế, huy động vốn, các dự án đầu tư, góp vốn, phương án mua, bán, cho thuê, thanh lý tài sản của Công ty theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị

Xây dựng, báo cáo Hội đồng quản trị quyết định (hoặc để Hội đồng quản trị trình cấp có thẩm quyền) phê duyệt quy trình nghiệp vụ, phương án mua, bán nợ và tài sản tồn đọng, cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ, các hợp đồng vay vốn, các dự án đầu tư, góp vốn, phương án mua, bán, cho thuê, thanh lý tài sản vượt thẩm quyền. Tổ chức thực hiện phương án được phê duyệt, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và cấp có thẩm quyền về kết quả thực hiện.

3. Xây dựng, trình Hội đồng quản trị quyết định theo thẩm quyền hoặc Hội đồng quản trị trình đại diện chủ sở hữu quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn và hàng năm của công ty, dự án đầu tư, đề án tổ chức quản lý Công ty, quy hoạch đào tạo lao động, các biện pháp thực hiện hợp đồng đã ký kết. Tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, phương án, dự án và các biện pháp đã được phê duyệt.

4. Tổ chức điều hành mọi hoạt động của Công ty; triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về hoạt động kinh doanh của Công ty và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; thực hiện chế độ công khai tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật; trình Hội đồng quản trị phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận sau thuế của Công ty.

5. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

6. Trình Hội đồng quản trị thông qua đề án tổ chức quản lý công ty, kể cả phương án điều chỉnh khi thay đổi tổ chức bộ máy quản lý của Công ty và các Chi nhánh, Văn phòng đại diện.

7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Chi nhánh, Phó Văn phòng đại diện, Trưởng, Phó phòng chức năng và các chức danh tương đương khác.

8. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt các định mức kinh tế, định mức lao động, định mức chi phí, các Quy chế dân chủ, Qui chế lao động, Qui chế tiền lương, quyết định phương án trả lương trong Công ty theo hiệu quả hoạt động kinh doanh và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, quy chế khen thưởng, kỷ luật áp dụng trong công ty.

9. Chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các nhiệm vụ được giao.

10. Chỉ đạo bộ máy giúp việc cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chuẩn bị tài liệu cho các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

11. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện pháp luật và các qui định cụ thể tại Thông tư này.

12. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch hoạ, hoả hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết tiếp.

Điều 22. Bộ máy giúp việc

Giúp việc cho Tổng giám đốc có một số Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng, Chi nhánh và Văn phòng đại diện.

1. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành công ty theo sự phân công và uỷ quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.

2. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán tài chính, thống kê của công ty, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hệ thống các phòng, Chi nhánh và Văn phòng đại diện có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc của Công ty. Hội đồng quản trị công ty quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy giúp việc trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

IV - TẬP THỂ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 23. Đại hội công nhân viên chức của Công ty

Đại hội công nhân viên chức của Công ty là hình thức để người lao động trực tiếp tham gia quản lý Công ty. Người lao động trong Công ty thông qua Đại hội công nhân viên chức hoặc Tổ chức công đoàn Công ty thực hiện các quyền sau:

1. Tham gia thảo luận xây dựng Thoả ước lao động tập thể làm cơ sở để người đại diện tập thể lao động thương lượng và ký kết với Tổng giám đốc.

2. Thảo luận, thông qua Quy chế sử dụng các quỹ có liên quan trực tiếp đến lợi ích của người lao động trong Công ty.

3. Thảo luận, góp ý kiến về quy hoạch, kế hoạch, đánh giá hiệu quả quản lý kinh doanh, đề xuất các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty.

4. Đại hội công nhân viên chức được tổ chức và hoạt động theo hướng dẫn của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

V - CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY

Điều 24. Cơ chế tài chính - kế toán của Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp

1. Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, báo cáo kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo Quy chế tài chính của Công ty do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và các văn bản pháp luật về tài chính có liên quan.

Hoạt động kinh doanh mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của Công ty thực hiện theo cơ chế thị trường, bảo đảm kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Trường hợp Công ty thực hiện nhiệm vụ xử lý nợ và tài sản tồn đọng tại doanh nghiệp nhà nước theo chỉ định của cấp có thẩm quyền được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính

2. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết toán tài chính năm để báo cáo Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan theo chế độ Nhà nước qui định.

4. Chế độ tiền lương của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và người lao động tại Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

VI - TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 25. Tổ chức lại, chuyển đổi hình thức sở hữu Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp

Việc tổ chức lại, chuyển đổi hình thức sở hữu Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 26. Phá sản

Trường hợp Công ty mất khả năng thanh toán nợ đến hạn thì xử lý theo qui định tại Luật Phá sản doanh nghiệp.

VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 199/2003/QĐ-BTC ngày 05/12/2003 và Quyết định số 50/2007/QĐ-BTC ngày 21/6/2007 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 199/2003/QĐ-BTC ngày 05/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành điều lệ tạm thời về tổ chức và hoạt động của Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp.

Các phương án mua và xử lý nợ gắn với tái cơ cấu lại doanh nghiệp khách nợ không trái với quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này thì áp dụng nguyên tắc quy định tại Thông tư này để thực hiện.

Các phương án mua và xử lý nợ gắn với tái cơ cấu lại doanh nghiệp khách nợ chưa phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này thì Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm tổ chức rà soát đối chiếu với quy định của pháp luật áp dụng chung đối với doanh nghiệp để đề xuất biện pháp giải quyết báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN.